

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN KIẾN AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Bà Trần Thị Trúc Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Bùi Đức D, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Tổ Đ 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; Có mặt

- **Bị đơn:** Chị Ngô Thị S, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ Đ 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Bùi Đức D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ngô Thị S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 16/10/2019. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại tổ Đ 1, phường V quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành mà ngày càng trầm trọng. Từ năm 2022 đến nay, tuy vợ chồng anh cùng chung sống một nhà nhưng đã ly thân, không ai quan tâm và trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngô Thị S.

- Về con chung: Anh và chị Ngô Thị S có một con chung tên là Bùi Đức H, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2020. Từ khi ly thân con chung do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh tiếp tục nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là chị Ngô Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị S xác định lời khai của anh Bùi Đức D về điều kiện, thời gian kết hôn là đúng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế. Chị và anh D đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, chị không còn tình cảm với anh D, vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ được nên chị đồng ý ly hôn với anh Bùi Đức D.

Về con chung: Chị và anh Bùi Đức D có một con chung tên là Bùi Đức H, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2020. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203 BLTTDS; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Danh mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 nêu trên:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Bùi Đức D được ly hôn với chị Ngô Thị S.

Về con chung: Giao con chung Bùi Đức H sinh ngày 11/9/2020 cho anh Bùi Đức D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết.

Về án phí: Anh Bùi Đức D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý, bị đơn là chị Ngô Thị S có nơi cư trú tại tổ Đ 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung:

[2]. Quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Đức D và chị Ngô Thị S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/10/2019 tại Ủy ban nhân dân phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Đức D và chị Ngô Thị S là hôn nhân hợp pháp theo khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu khác do Tòa án thu thập được, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng anh D và chị S hoà thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính cách không hoà hợp cả về kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xảy ra va chạm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhưng không đạt kết quả mà ngày càng trầm trọng. Từ năm 2022 đến nay, anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh Bùi Đức D và chị Ngô Thị S đã thực sự trầm trọng, không thể khắc phục đoàn tụ được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ

khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Đức D xin ly hôn với chị Ngô Thị S.

[5]. Về con chung: Anh Bùi Đức D và chị Ngô Thị S có một con chung tên là Bùi Đức H, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2020. Ly hôn, anh D và chị S đề có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao con chung cho anh, chị tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên. Hiện anh D là công nhân có thu nhập 17.000.000 đồng/01 tháng. Chị S có thu nhập từ 14.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/ 01 tháng. Tuy nhiên, chị S đang trực tiếp nuôi con dưỡng một con riêng tên là Ngô Bình M (sinh ngày 19/9/2009). Nếu cháu H về ở cùng chị S thì sẽ chuyển về ở cùng với mẹ tại nhà của ông bà ngoại tại K, phải thay đổi môi trường sống và học tập. Vì vậy, giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi con là phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh D: Giao con chung Bùi Đức H, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2020 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh D và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Anh Bùi Đức D và chị Ngô Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh Bùi Đức D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Bùi Đức D được ly hôn với chị Ngô Thị S.
2. Về con chung: Giao con chung Bùi Đức H, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2020 cho anh Bùi Đức D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Đức D và chị Ngô Thị S không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Anh Bùi Đức D và chị Ngô Thị S không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Bùi Đức D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004853 ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Anh Bùi Đức D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Đức D và chị Ngô Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- UBND phường V, quận K, thành phố Hải Phòng;
- (ĐKKH số 70 đk ngày 16/10/2019);
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hải Hà